

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC ÔN TẬP:

* Lĩnh vực 1:

1. Chương IV: Thống kê và xác suất

- Thu thập, tổ chức, biểu diễn, phân tích và xử lý dữ liệu.
- Biểu đồ tranh, biểu đồ cột, biểu đồ cột kép.
- Mô hình xác suất, xác suất thực nghiệm trong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản.

2. Chương V: Bài 1: Phân số với mẫu số là số nguyên đến hết Bài 6. Phép cộng, phép trừ số thập phân.

- Xác định phân số, phân số bằng nhau; tính chất cơ bản của phân số; quy đồng mẫu nhiều phân số.
- So sánh hai phân số, hỗn số dương.
- Phép cộng, trừ, nhân, chia hai phân số.
- So sánh số thập phân, viết số thập phân về dạng phân số và ngược lại. Làm tròn số thập phân
- Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia số thập phân.
- Bài toán về phân số, tỉ số, tỉ số phần trăm.

* Lĩnh vực 2:

3. Chương VI: Từ bài 1 “Điểm. Đường thẳng” đến hết bài 5 “Góc”.

II. CÁC DẠNG BÀI TẬP

A. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta phân số là:

- A. $\frac{-3}{2,5}$ B. $\frac{3,12}{2,4}$ C. $\frac{2}{0}$ D. $\frac{2}{-3}$.

Câu 2. Số đối của phân số $\frac{7}{15}$ là:

- A. $\frac{15}{7}$ B. $\frac{-7}{-15}$ C. $\frac{-7}{15}$ D. $\frac{-15}{-7}$

Câu 3. Số đối của phân số $\frac{-7}{4}$ là:

- A. $\frac{4}{7}$ B. $\frac{-4}{7}$ C. $\frac{7}{4}$ D. $\frac{-7}{4}$

Câu 4. Phân số nghịch đảo của $\frac{-8}{35}$ là:

- A. $\frac{8}{35}$ B. $\frac{-35}{8}$ C. $\frac{-35}{-8}$ D. $4\frac{3}{8}$

Câu 5. Viết phân số *âm năm phần tám* là:

- A. $\frac{5}{8}$ B. $\frac{8}{-5}$ C. $\frac{-5}{8}$. D. $-5,8$.

Câu 6. Hỗn số $1\frac{3}{4}$ được viết dưới dạng phân số là:

- A. $\frac{3}{4}$. B. $\frac{12}{4}$. C. $\frac{7}{4}$. D. $\frac{4}{7}$.

Câu 7. Số đối của 3,15 là :

- A. - 1,35 B. - 5,13 C. 3,15 D. - 3,15

Câu 8. Viết phân số $\frac{-2025}{100}$ dưới dạng số thập phân ta được:

- A. - 20,25 B. - 22,05 C. 2,025 D. - 202,5

Câu 9. Viết số thập phân -0,15 dưới dạng phân số tối giản ta được:

- A. $\frac{1}{5}$ B. $-\frac{1}{5}$ C. $-\frac{3}{20}$ D. $\frac{3}{20}$

Câu 10. Phân số nhỏ nhất trong các phân số $\frac{-33}{22}; \frac{-20}{-19}; \frac{-8}{16}; \frac{13}{14}$ là

- A. $\frac{-33}{22}$ B. $\frac{-20}{-19}$ C. $\frac{-8}{16}$ D. $\frac{13}{14}$

Câu 11. Số 3,248 được làm tròn đến hàng phần mười là

- A. 3,24 B. 3,25 C. 3 D. 3,2

Câu 12. Kết quả phép tính: $6,5 - 3,4$ là:

- A. 2,2 B. 3,1 C. 9,9 D. 5,2

Câu 13. Kết quả của phép tính $2,1,5$ là:

- A. 3,5 B. 0,5 C. 3 D. 30

Câu 14. Kết quả phép tính $0,44 : 11$ là:

- A. 0,04 B. 0,4 C. 0,004 D. 4

Câu 15. Tìm số nguyên x, biết: $\frac{7}{3} = \frac{x}{3}$

- A. $x = 7$ B. $x = 5$ C. $x = 15$ D. $x = 6$

Câu 16. Số x thỏa mãn $x + (-2,5) = 5$ là số

- A. -7,5 B. -2,5 C. 7,5 D. 2,5

Câu 17. Số x thỏa mãn $-5,67 - x = -7,12$ là số

- A. 1,45 B. 1,54 C. -1,45 D. -1,54

Câu 18. Số x thỏa mãn $x.2,5 = 6,27$ là số

- A. 2,508 B. 2,805 C. 2,507 D. 2,506

Câu 19. Tung một con xúc xắc có sáu mặt, số chấm ở mỗi mặt là một trong các số nguyên dương 1, 2, 3, 4, 5, 6. Có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của con xúc xắc?

- A. 3 B. 6 C. 0 D. 1

Câu 20. Một hộp có 10 chiếc thẻ được đánh số từ 1 đến 10. Rút ngẫu nhiên một chiếc thẻ từ trong hộp, ghi lại số của thẻ rút được và bỏ lại thẻ đó vào hộp. Sau 25 lần rút thẻ liên tiếp, nhận thấy có 4 lần lấy được thẻ đánh số 6. Xác suất thực nghiệm xuất hiện thẻ đánh số 6 là:

- A. $\frac{2}{25}$ B. $\frac{4}{25}$ C. $\frac{1}{10}$ D. $\frac{6}{25}$

Câu 21. Được cô giáo giao nhiệm vụ thống kê điểm kiểm tra giữa kì II môn Toán của các thành viên trong tổ, bạn Minh lập được bảng bên:

Số điểm	10	9	8	7	6	5	3
Số người	2	3	3	4	1	1	0

Theo thống kê trên, số bạn đạt điểm 8 là bao nhiêu bạn?

- A. 1 bạn B. 3 bạn C. 8 bạn D. 4 bạn

Câu 22. Bốn bạn Việt, Nam, Chiến, Thắng lần lượt sút bóng vào gôn. Mỗi bạn được đá 10 quả, mỗi lần đá vào gôn được 1 tích (✓), kết quả như bảng bên:

Việt	✓✓✓✓✓
Nam	✓✓✓✓✓✓✓
Chiến	✓✓✓✓
Thắng	✓✓✓✓✓✓✓✓

Bạn nào đá được vào gôn nhiều nhất?

- A. Việt B. Nam
C. Chiến D. Thắng

Câu 23. Số học sinh khối 6 đến thư viện của trường mượn sách vào các ngày trong tuần được thống kê trong bảng bên:

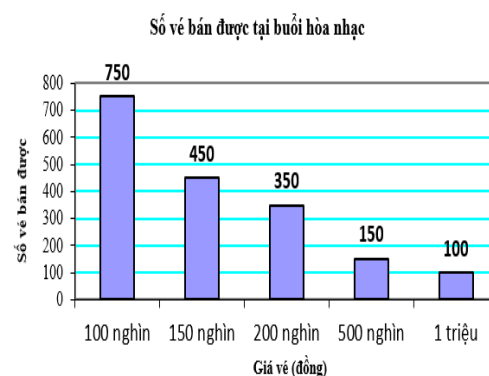
Ngày	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Số học sinh	24	32	8	16	40

Tỉ số giữa ngày có số học sinh đến thư viện nhiều nhất so với tổng số học sinh đã đến thư viện trong tuần là:

- A. $\frac{1}{3}$ B. $\frac{5}{4}$ C. $\frac{4}{5}$ D. $\frac{1}{15}$

Câu 24. Biểu đồ cột sau đây biểu diễn số lượng vé bán được với các mức giá khác nhau của một buổi hòa nhạc. Theo biểu đồ bên, tổng số vé bán được là bao nhiêu?

- A. 1 000 vé B. 1 800 vé
C. 750 vé D. 1 750 vé



Câu 25: Trong các khẳng định sau, khẳng định nào **Sai**?

- A. Hai đường thẳng song song là hai đường thẳng không có điểm chung.
B. Hai đường thẳng cắt nhau có đúng một điểm chung.
C. Hai đường thẳng phân biệt là hai đường thẳng cắt nhau
D. Hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau là hai đường thẳng phân biệt.

Câu 26. Gấp sợi dây lại để hai đầu sợi dây trùng nhau. Đánh dấu điểm A là chỗ bị gấp. Khoảng cách từ điểm A đến mỗi đầu sợi dây là 0,2 m. Độ dài sợi dây là?

- A. 0,4 cm B. 40 m C. 40 cm D. 0,4 dm

Câu 27. Cho I là trung điểm của đoạn thẳng AB . Biết $AB = 8\text{cm}$, độ dài đoạn thẳng IB là

- A. 16cm B. 2cm C. 8cm D. 4cm

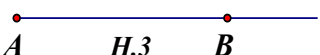
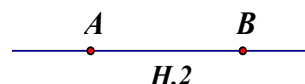
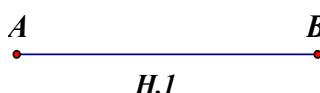
Câu 28. Hình vẽ bên có bao nhiêu đoạn thẳng?

- A. 5 B. 6
C. 7 D. 4

Câu 29. Cho số đo các góc sau: 135° ; 50° ; 10° ; 90° ; 165° ; 131° ; 15° ; 65° . Trong đó có bao nhiêu góc nhọn?

- A. 4 B. 5
C. 6 D. 7

Câu 30. Hình nào sau đây biểu diễn đoạn thẳng AB :



- A. Hình 1
Hình 2 C. Hình 3
Hình 4

- B.
D.

Câu 31. Cho các đoạn thẳng $AB=2,5\text{cm}$; $CD=3\text{cm}$; $EF=4\text{cm}$; $MN=5\text{cm}$. Chọn đáp án sai:

- A. $AB < CD$. B. $MN = 2AB$. C. $CD = EF$. D. $MN < AB$.

Câu 32. Cho M là điểm nằm giữa hai điểm A và B . Biết rằng $AM = 4\text{cm}$, $MB = 5\text{cm}$. Khi đó, độ dài của đoạn AB bằng:

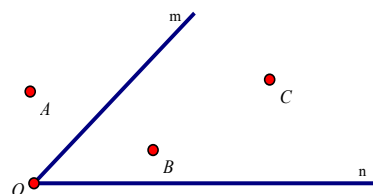
- A. 1cm B. 9cm C. 10cm D. 20cm

Câu 33. M là trung điểm của đoạn thẳng AB khi và chỉ khi

- A. $MA + MB = AB$ B. $MA + AB = MB$ và $MA = MB$
C. $MA = MB$ D. $MA + MB = AB$ và $MA = MB$

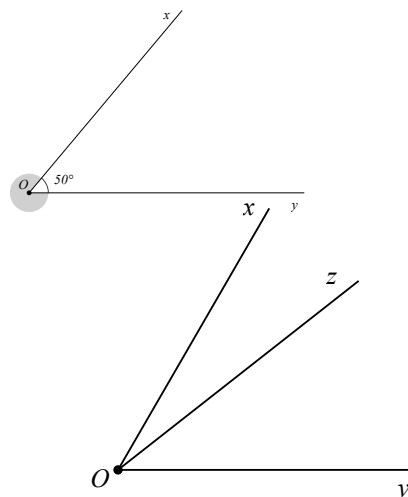
Câu 34.: Các điểm nằm trong góc mOn trong hình bên là

- A. Điểm A, B B. Điểm A, B, C
C. Điểm B, C D. Điểm A



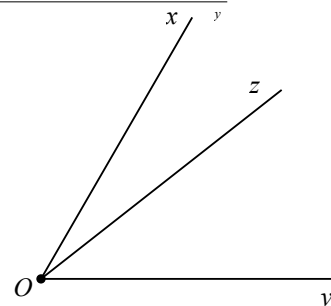
Câu 35. Cho hình vẽ, $\widehat{xOy}$ có số đo góc là

- A. 90° . B. 40° .
C. 50° . D. 60°



Câu 36. Cho hình vẽ, khẳng định nào là đúng

- A. $\widehat{xOy} + \widehat{xOz} = \widehat{zOy}$. B. $\widehat{zOy} + \widehat{xOz} = \widehat{xOy}$.
C. $\widehat{xOy} + \widehat{yOz} = \widehat{xOz}$. D. $\widehat{xOz} - \widehat{yOz} = \widehat{xOy}$.



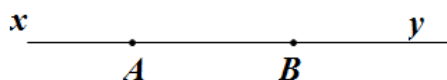
Câu 37. Góc vuông có số đo bằng

- A. 0° . B. 60° . C. 90° . D. 180° .

Câu 38. Góc bẹt có số đo bằng

- A. 0° . B. 60° . C. 90° . D. 180° .

Câu 39. Cho hình vẽ sau:



Số tia phân biệt có trong hình là

- A. 2 tia. B. 4 tia. C. 3 tia. D. 6 tia.

Câu 40. Cho hình vẽ sau:



Khẳng định nào sau đây là đúng ?

- A. Hai tia Ax, Bx là hai tia trùng nhau C. Hai tia Bx, Ay là hai tia đối nhau
B. Hai tia Ax, By là hai tia đối nhau D. Hai tia AB, Ay là hai tia trùng nhau

B. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. a) Tìm số đối của các số sau: 5,63; -12,78; $\frac{3}{4}$

b) Tìm số nghịch đảo của các số sau: $\frac{2025}{2024}$; -3; 0,25

Bài 2. a) Cho các số thập phân sau: -2,99; 0,7; 25,03; -2,9; -5,3.

+ Hãy sắp xếp các số đã cho theo thứ tự tăng dần.

+ Hãy sắp xếp các số đã cho theo thứ tự giảm dần.

b) Sắp xếp các số thập phân sau theo thứ tự tăng dần:

-4,78; -2,48; 0,47; 3,49; 0; -4,48; 5,79

Bài 3.

1) Thực hiện phép tính (*tính hợp lý nếu có thể*)

a) $(-12,5) + 17,55 + (-3,5) - (-2,45)$

b) $32,8 + 4,2 + (-4,3) + (-32,8) + 4,3$

c) $\frac{4}{5} - \frac{3}{5} : \left(1 - \frac{2}{3}\right)$

d) $\frac{-3}{7} \cdot \frac{15}{13} - \frac{3}{7} \cdot \frac{11}{13} - \frac{3}{7}$

e) $\frac{-3}{8} + \frac{12}{25} - \frac{5}{8} + \frac{2}{-5} + \frac{13}{25}$

g) $\frac{3}{7} \cdot \frac{20}{11} + \frac{9}{11} \cdot \frac{-3}{7} - 2\frac{3}{7}$

h) $\frac{1}{20} + \frac{1}{30} + \frac{1}{42} + \frac{1}{56} + \frac{1}{72} + \frac{1}{90}$

2) Tìm x, biết:

a) $x + 3,12 = 14,6 - 8,5$

b) $\frac{17}{5} : x - \frac{3}{5} = \frac{-1}{5}$

c) $x + \frac{2}{5} = \frac{3}{8}$

d) $\frac{x-2}{18} = \frac{-2}{3}$

e) $\left(\frac{4}{7} + x\right) : \frac{5}{3} = \frac{6}{35}$

g) $(x-3,4) : \frac{2}{5} = \frac{-3}{2}$

Bài 4.

1) *Tìm tỉ số của:*

a) 0,7 và $\frac{7}{12}$

b) 5dm và 0,35m

c) 45 phút và 1,5 giờ

2) *Tính:*

a) $\frac{5}{12}$ của -48

b) $\frac{3}{4}$ của $\frac{18}{25}$

c) 40% của $-1\frac{11}{40}$

3) *Tìm một số biết:*

a) $\frac{2}{7}$ của nó bằng $\frac{3}{14}$

b) $1\frac{3}{5}$ của nó bằng 200

c) 12% của nó bằng 2

Bài 5. Một cuốn sách dày 480 trang. Ngày đầu Nam đọc $\frac{5}{8}$ số trang. Ngày thứ hai Nam đọc tiếp được 60% số trang còn lại.

a) Tính số trang Nam đọc được trong ngày thứ nhất và ngày thứ hai.

b) Tính tỉ số phần trăm của số trang sách còn lại sau hai ngày so với số trang của cuốn sách.

Bài 6. Khối 6 của một trường có 240 học sinh, biết số học sinh khá chiếm $\frac{3}{8}$ số học sinh toàn trường, số học sinh giỏi bằng $\frac{2}{3}$ số học sinh khá.

a) Tính số học sinh khá, số học sinh giỏi của trường?

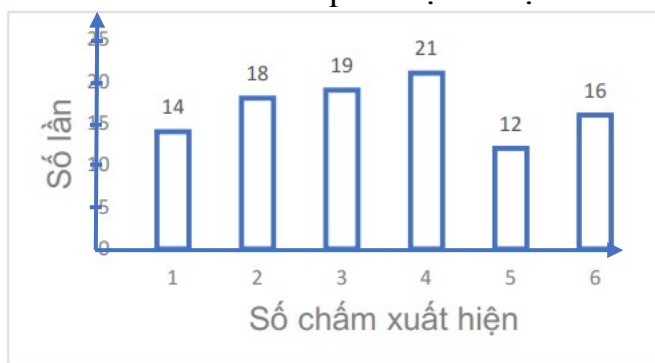
b) Biết trường không có học sinh yếu, kém. Hãy tính tỉ số phần trăm của học sinh trung bình so với học sinh toàn trường?

Bài 7. Một giá sách ở thư viện có 2 ngăn. Ban đầu số sách ở ngăn A bằng $\frac{3}{5}$ số sách ở ngăn B. Nếu chuyển 5 quyển từ ngăn A sang ngăn B thì số sách ở ngăn A bằng $\frac{1}{2}$ số sách ở ngăn B. Tính số sách lúc đầu ở ngăn A.

Bài 8. Một căn phòng có dạng hình hộp chữ nhật với chiều dài 4,2m, chiều rộng 3,5m và chiều cao 3,2m. Người ta muốn sơn lại trần nhà và bốn bức tường bên trong phòng. Biết rằng tổng diện tích các cánh cửa là $5,4\text{m}^2$.

- Tính diện tích cần sơn lại?
- Giá tiền công sơn lại tường và trần nhà đều là 12 000 đồng/ m^2 . Tính tổng số tiền công để sơn lại căn phòng đó.

Bài 9. Việt gieo một con xúc xắc 100 lần và kết quả được vẽ lại thành biểu đồ cột sau:



- Hãy lập bảng thống kê số lần xuất hiện của mỗi chấm ?
- Có bao nhiêu lần Việt gieo được con xúc xắc có số chấm chia hết cho 3?

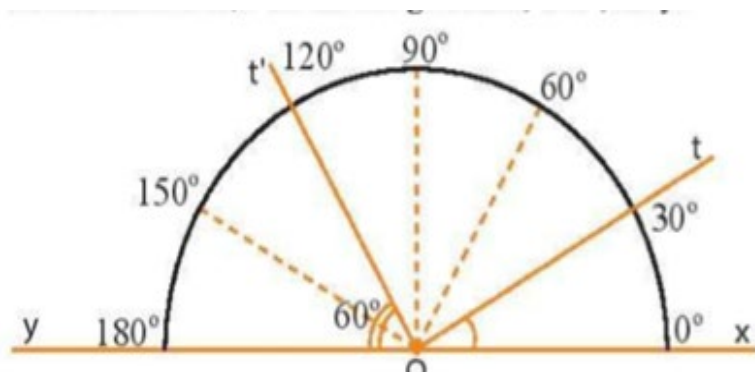
Bài 10. Một hộp có chứa 3 chiếc kẹo, trong đó có 1 chiếc kẹo màu xanh, 1 chiếc kẹo màu đỏ, 1 chiếc kẹo màu vàng; các chiếc kẹo có kích thước và khối lượng như nhau. Lấy ngẫu nhiên một chiếc kẹo trong hộp.

- Nêu các kết quả có thể xảy ra đối với màu của chiếc kẹo được lấy ra.
- Lấy ngẫu nhiên 30 lần mỗi lần 1 chiếc kẹo, kết quả có 12 lần xuất hiện kẹo màu xanh, 30% tổng số lần xuất hiện kẹo màu vàng. Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện kẹo màu đỏ.

Bài 11.

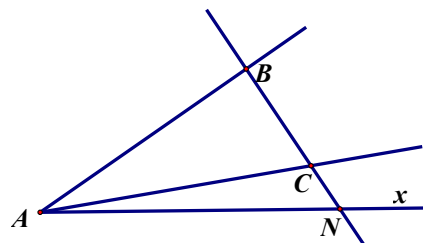
- Hãy vẽ các đoạn thẳng sau: $AB = 6\text{ cm}$; $CD = 4\text{ cm}$.
- So sánh độ dài hai đoạn thẳng AB và CD

Bài 12. Nhìn hình vẽ **đọc** số đo các góc xOt ; tOt' ; xOy .



Bài 13.

- 1) Cho hình vẽ bên.
 - a) Kể tên các góc đỉnh A.
 - b) So sánh $\widehat{ACB}$, $\widehat{BCN}$



- 2) Trên tia Ox lấy điểm M và điểm N sao cho $OM = 3cm$, $ON = 6cm$.
 - a) Điểm M có là trung điểm của đoạn thẳng ON không? Giải thích?
 - b) Trên tia đối của tia NO lấy điểm C sao cho $NC = 2cm$. Gọi I là trung điểm của đoạn thẳng NC . Tính MI ?

Bài 14. Vẽ hình theo diễn đạt sau:

Vẽ đường thẳng m , lấy 2 điểm A và B nằm trên đường thẳng m . Vẽ điểm I không thuộc đường thẳng m . Lấy điểm E thuộc đường thẳng m sao cho điểm B nằm giữa hai điểm A và E. Vẽ đoạn thẳng AI . Qua điểm I vẽ đường thẳng d cắt đường thẳng m tại điểm B. Vẽ tia EI , và vẽ tia Ex là tia đối của tia EI .

Bài 15. Trên tia Ox , vẽ hai điểm A, B sao cho $OA = 3cm$, $OB = 7cm$.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng AB .
- b) Gọi I là trung điểm của AB . Tính AI . Trên tia đối của tia Ox , lấy điểm M sao cho $OM = 5cm$, điểm O có là trung điểm của đoạn thẳng MI không? Vì sao?

Xem thêm: **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP TOÁN 6**
<https://thcs.toanmath.com/de-cuong-on-tap-toan-6>